

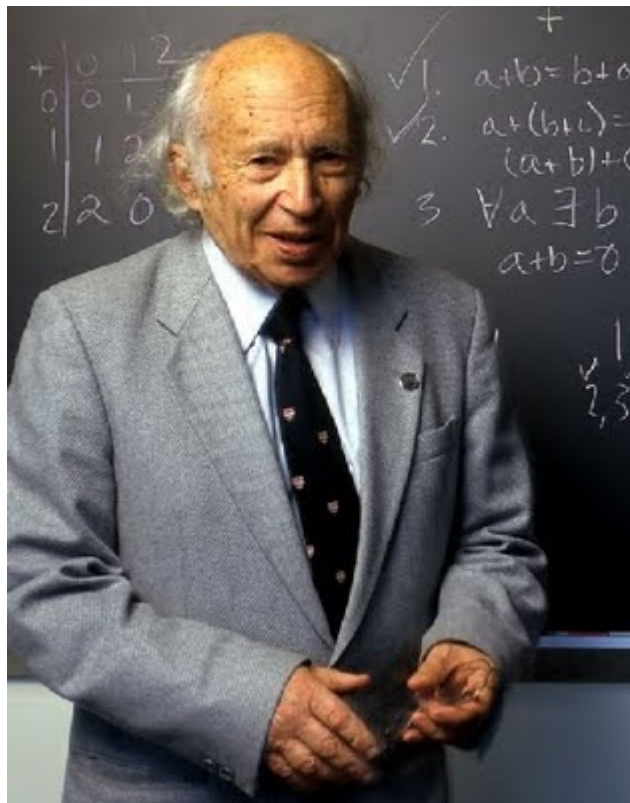
Hội Toán Học Việt Nam



THÔNG TIN TOÁN HỌC

Tháng 12 Năm 2009

Tập 13 Số 4



Thông Tin Toán Học (Lưu hành nội bộ)

- Tổng biên tập:

Lê Tuấn Hoa
Phùng Hồ Hải

- Ban biên tập:

Phạm Trà Ân
Nguyễn Hữu Dư
Nguyễn Lê Hương
Nguyễn Thái Sơn
Đỗ Đức Thái
Lê Văn Thuyết
Trần Minh Tước

- Bản tin **Thông Tin Toán Học** nhằm mục đích phản ánh các sinh hoạt chuyên môn trong cộng đồng toán học Việt nam và quốc tế. Bản tin ra thường kì 4-6 số trong một năm.

- Thẻ lệ gửi bài: Bài viết bằng tiếng việt. Tất cả các bài, thông tin về sinh hoạt toán học ở các khoa (bộ môn) toán, về hướng nghiên cứu hoặc trao đổi về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy đều được hoan nghênh. Bản tin cũng nhận đăng các bài giới thiệu tiềm năng khoa học của các cơ sở cũng

như các bài giới thiệu các nhà toán học. Bài viết xin gửi về toà soạn. Nếu bài được đánh máy tính, xin gửi kèm theo file (chủ yếu theo phong chữ unicode, hoặc .VnTime).

- Mọi liên hệ với bản tin xin gửi về:

*Bản tin: **Thông Tin Toán Học**
Viện Toán Học
18 Hoàng Quốc Việt, 10307 Hà Nội*

e-mail:

ttth@vms.org.vn

© Hội Toán Học Việt Nam

Website của Hội Toán học:
www.vms.org.vn

Ảnh Bìa 1:GS I. M. Gelfand, 1913-2009

Gặp mặt Mừng Xuân Canh Dần

Nhân dịp năm mới 2010 và Tết Canh Dần
Ban chấp hành Hội Toán học Việt Nam kính chúc tất cả
Hội viên của Hội một năm mới luôn
Mạnh khỏe, Hạnh phúc và Thành công.



BCH Hội Toán học Việt Nam trân trọng
kính mời tất cả các hội viên của Hội đang
có mặt tại Hà Nội và các vùng lân cận tới
dự buổi gặp mặt truyền thống hàng năm
của Hội để mừng Xuân Canh Dần.

Địa điểm: Khu di tích K9 (Sơn Tây) và
Trung tâm Thực nghiệm Giáo dục sinh thái
và môi trường Ba Vì — ĐHQG Hà Nội

Thời gian: 9h15-15h Thứ 7, ngày 6/3/2010
(tức 21 Tháng Giêng năm Canh Dần).
Xe xuất phát tại Viện Toán học, 18 Hoàng
Quốc Việt, lúc 8h.

Đăng kí đại biểu: Để có thể bố trí xe và đặt tiệc phù hợp, kính đề nghị các đại biểu có nguyện
vọng tham dự Buổi gặp mặt gửi e-mail tới:

thuky@vms.org.vn

Người nhà đi cùng đóng 100.000đ/1 người và tối đa 2 người đi kèm.

Rất mong sự có mặt của các quý vị.

(Lời mời này thay cho giấy mời riêng)

Bổ đề cơ bản – Một trong mười sự kiện nổi bật của khoa học thế giới 2009*

Hà Huy Khoái (Viện Toán học)



Ngô Bảo Châu tại buổi trao giải thưởng của Viện Toán Oberwolfach từ trái qua phải M. Greuel, Ngô Bảo Châu, R. Remmert, M. Rapoport (nguồn MFO)

Năm 1979 nhà toán học Canada Robert Langlands phát biểu một loạt giả thuyết, mà nếu chứng minh được chúng thì chúng ta gần như có được một cái nhìn thống nhất cho nhiều ngành của toán học hiện đại: số học, đại số và giải tích. Công trình của Langlands nổi tiếng với tên gọi “chương trình Langlands”. Suốt 30 năm qua, chương trình Langlands thu hút sự quan tâm của những nhà toán học nổi tiếng nhất thế giới. Trong quá trình cố gắng chứng minh chương trình Langlands, nhiều thành tựu kiệt xuất của toán học đã ra đời, và nhiều nhà toán học đã vinh dự nhận Giải thưởng Fields (giải thưởng cao nhất của toán học, tương đương với giải Nobel trong một số ngành khác). Tuy nhiên, để hoàn tất công việc này, vẫn còn một chương ngại cực kỳ to lớn, mà trước đây người ta chưa hình dung được hết khó khăn: đó là phải chứng minh “Bổ đề cơ bản”.

Năm 2004, cùng với Gerard Laumon, Ngô Bảo Châu đã chứng minh Bổ đề cơ bản đối với các nhóm unita, và nhờ công trình đó, anh cùng với Giáo sư Laumon được tặng Giải thưởng danh giá của Viện toán học Clay dành cho những thành tựu kiệt xuất nhất. Trong 1-2 năm gần đây, Ngô Bảo Châu đã đưa ra một chứng minh thiên tài cho Bổ đề cơ bản trong trường hợp tổng quát. Chứng minh đó đã được cộng đồng toán học thế giới kiểm chứng là chính xác, và được Time bình chọn là một trong 10 thành tựu khoa học kiệt xuất nhất của thế giới năm 2009¹.

Tóm lược lời giải của công trình này có thể xem trong báo cáo của Ngô Bảo Châu: *Report on the proof of some conjectures on orbital integrals in Langlands' program*, Vietnam J. Math. 27(2009), No.2-3, 127-140.

Đây thực sự là một thành tựu kiệt xuất, một vinh dự lớn lao của khoa học Việt

*Bản in viết nhầm thành 2010

¹ <http://www.time.com/>, xem bản dịch dưới đây.

Nam. Hầu như chắc chắn là Ngô Bảo Châu sẽ nhận được Giải thưởng Fields tại Đại hội toán học thế giới năm 2010 họp tại Hyderabad (Ấn Độ).

Giáo sư Ngô Bảo Châu sinh năm 1972 tại Hà Nội. Tốt nghiệp xuất sắc THPT tại khối chuyên Toán Đại học khoa học tự nhiên, ĐHQG HN (với 2 lần được Huy chương vàng Olympic Toán học Quốc tế),

Ngô Bảo Châu nhận được học bổng du học tại Pháp. Anh được phong giáo sư Đại học Paris 11 năm 2004, đồng thời được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước đặc cách phong danh giáo sư năm 2005. Hiện nay anh làm việc tại Viện nghiên cứu cao cấp Princeton, đồng thời là giáo sư của Viện Toán học, Viện khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Time viết về công trình của Ngô Bảo Châu²

Năm 1979 nhà toán học Canada-Mỹ Robert Langlands đã phát triển một lý thuyết đầy tham vọng và có tính cách mạng nối hai lĩnh vực của toán học là lý thuyết số và lý thuyết nhóm. Ngày nay được biết đến với tên gọi chương trình Langlands, lý thuyết đó đã nắm bắt được những quan hệ đối xứng sâu sắc gắn với các phương trình có quan hệ với toàn bộ các số, bằng một loạt các giả thuyết và cách nhìn tổng quát đáng kinh ngạc. Langlands biết rằng chứng minh các giả thuyết nền tảng trong lý thuyết của ông phải là công việc của nhiều thế hệ. Nhưng có nhiều lý do để ông tin rằng một bước bàn đạp cần chứng minh theo hướng khẳng định, đặt trong ngoặc kép “bổ đề cơ bản”, không quá phức tạp. Ông cùng cộng sự và các học trò của mình đã chứng minh được một số trường hợp đặc biệt của định lý cơ bản này. Tuy nhiên, trường hợp tổng quát tỏ ra khó hơn Langlands dự đoán nhiều, cuối cùng phải đến 30 năm sau mới được chứng minh. Trong một vài năm, nhà toán học Việt Nam Ngô Bảo Châu, hiện đang làm việc tại đại học Paris-Sud và viện Nghiên cứu cao cấp IAS ở Princeton, đã đưa ra một chứng minh tài tình cho bổ đề cơ bản. Các nhà toán học khắp nơi trên thế giới đã thực sự thò phào khi chứng minh của anh được kiểm

tra và khẳng định là chính xác trong năm nay. Trong ba thập kỷ vừa rồi, công việc của các nhà toán học trong lĩnh vực này đều dựa trên niềm tin rằng bổ đề cơ bản là đúng và sẽ được chứng minh một ngày nào đó. Nhà lý thuyết số Peter Sarnak của IAS đã ví: “Giống như là nếu những người làm việc tại tít bờ sông bên kia đang chờ đợi ai đó bắc cái cầu này ngang qua hai bên bờ. Và giờ đây, đột nhiên công việc của mọi người ở bờ bên đó được hoàn toàn công nhận”.

10 khám phá khoa học quan trọng nhất của năm 2009 do Time bình chọn:

1. Phát hiện bộ xương hóa thạch xưa nhất của tổ tiên loài người: Hóa thạch Ardi, 4.4 triệu năm.
2. Hoàn thành bản đồ bộ gen người hoàn chỉnh.
3. Tìm ra liệu pháp gen chữa chứng mù màu.
4. Chế tạo rôbot tự nghiên cứu khoa học.
5. Tìm ra cách nuôi cá ngừ trên đất liền.
6. Tìm thấy nước trên mặt trăng.
7. Bổ đề cơ bản được chứng minh.
8. Truyền thông lượng tử thành công.
9. Sửa xong và vận hành lại máy gia tốc hạt lớn nhất thế giới LHC.
10. Tìm thấy một hành tinh mới giống trái đất (hoặc chỉ là một sao lùn nâu?).

²Đoàn Trung Cường (Viện Toán học) dịch

I. M. Gelfand, 1913^{*}-2009³

Nguyễn Việt Dũng (Viện Toán học)

Giáo sư I.M. Gelfand, một trong những người khổng lồ của toán học thế kỷ 20 đã qua đời, hôm thứ hai, 5/10/2009, tại bệnh viện của Trường đại học Robert Wood Johnson, bang New Jersey, Hoa kỳ ở tuổi 96. Ông là tác giả của hơn 800 bài báo, 30 cuốn sách trên rất nhiều lĩnh vực khác nhau như vành định chuẩn giao hoán, lý thuyết biểu diễn, lý thuyết các hàm siêu hình học, phương trình đạo hàm riêng, ... và cả trong sinh học lý thuyết. Các công trình của ông đã mở đường cho các nhà tư tưởng khác trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau, từ vật lý đến xử lý ảnh y học.



Gelfand không đạt tới vinh quang bằng cách tấn công vào các bài toán nổi tiếng, hóc búa. Thay vào đó, ông là người tiên phong trong những lĩnh vực còn hoang sơ, đặt nền móng cho nó, sáng tạo ra các công cụ cho người khác sử dụng.

Người ta thường so sánh ông với các nhà toán học vĩ đại như Euler, Hilbert

hay Poincaré. VI. Arnold thường đối lập cách làm toán của Gelfand với Andrei Kolmogorov (thầy của Gelfand) như sau: “Giả sử cả hai người cùng đi đến một miền đất hoang vu đầy núi. Kolmogorov sẽ ngay lập tức trèo lên đỉnh núi cao nhất, trong khi Gelfand sẽ bắt tay vào việc làm đường”.

Nhận xét về ảnh hưởng của công việc của Gelfand trong các lĩnh vực khác, Andrei Zelevinsky, giáo sư toán tại trường đại học Northeastern nói: “Các công trình mang tính tiên phong của Gelfand trong một lĩnh vực hết sức trừu tượng là lý thuyết biểu diễn hóa ra lại đóng vai trò quyết định đối với các nhà vật lý làm việc trong lĩnh vực cơ học lượng tử. Các công việc sau này của ông trong một lĩnh vực khác không chỉ trừu tượng mà còn khá mờ mờ, hình học tích phân, ngày nay lại được dùng trong việc chuyển đổi các hình ảnh thô được quét thông qua các máy chụp ảnh cộng hưởng từ hay chụp cắt lớp trong y học, thành các hình ảnh 3 chiều rõ ràng. Công cụ có yếu tố quyết định này đòi hỏi phải có một kiến thức toán học sâu sắc”.

“Ông có lẽ là con người vĩ đại cuối cùng làm việc trong hầu hết mọi lĩnh vực của Toán học”.

Ông cũng là người luôn quan tâm dìu dắt các nhà toán học trẻ, coi họ như học trò hay là những người cộng tác của mình. Nhiều người trong số họ về sau này cũng trở thành các nhà toán học lỗi lạc. Ở trường đại học tổng hợp Moscow, nơi ông dạy học trong nhiều thập kỷ, ông đã điều hành một seminar huyền thoại –

^{*}Bản in viết nhầm thành 1903

³Theo một số báo nước ngoài

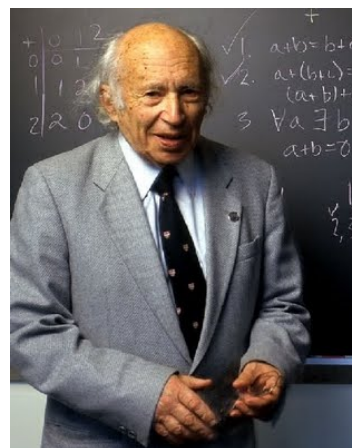
Seminar Gelfand – sinh hoạt hàng tuần, ở đó thay vì các báo cáo được mời, được chuẩn bị trước thì nhiều khi đã trở thành những buổi thuyết trình toán “tùy hứng”. Vladimir Retakh, giáo sư toán tại trường Rutgers, nơi Gelfand làm việc kể từ khi sang Mỹ kể: “Đề tài cho một buổi sinh hoạt của Seminar Gelfand thường không được biết trước cho tới tận khi buổi seminar bắt đầu. Thường là qua các trao đổi trước buổi seminar, Gelfand sẽ quyết định chọn một diễn giả “tùy hứng” và một đề tài “tùy hứng”. Các thành viên seminar thường nói đùa rằng người ta không thể biết chắc chắn rằng cái gì sẽ được trình bày ở seminar, nhưng người ta có thể biết chắc chắn điều gì sẽ không được trình bày tại seminar – đó là những báo cáo đã được thông báo trước.”

Đối với diễn giả, đó sẽ là vài tiếng đồng hồ khó khăn, liên tục bị ngắt quãng bởi các câu hỏi, bình luận, nhận xét và thậm chí đôi khi là cắt cụt của Gelfand. Ông không phải là người lịch sự, tinh tế trong đối xử. Nhưng đối với diễn giả và cả người tham dự, mỗi buổi seminar Gelfand đều đem lại những cái nhìn hết sức có giá trị vào các ý tưởng mà Gelfand đang nung nấu.

Ông bắt đầu một seminar thứ hai, về sinh học, sau khi Aleksandre, một người con trai của ông bị mắc bệnh bạch cầu. Các nhà sinh vật ở Moscow rất thích tới tham dự, làm báo cáo tại seminar này và được nghe những ý kiến hết sức khác thường tại đây. Aleksandre chịu thua căn bệnh hiểm nghèo, nhưng Gelfand vẫn tiếp tục seminar của ông.

Gelfand sinh ở Ukraina, gần Odessa. Ông không học hết phổ thông và cũng chưa hề bao giờ là sinh viên đại học. Ông lên Moscow vào khoảng năm 16, 17 tuổi và làm nhiều công việc khác nhau. Vốn

ham mê toán học, ông vẫn đi dự các seminar và đến năm 19 tuổi ông được nhận thẳng vào làm nghiên cứu sinh tại Khoa Toán-Cơ, thường gọi là Mech-Mat, trường đại học tổng hợp Moscow dưới sự hướng dẫn của Andrei Kolmogorov. Ông bảo vệ phó tiến sĩ năm 1935 và bảo vệ tiến sĩ khoa học 5 năm sau đó. Ông là viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Liên xô từ năm 1953 và trở thành viện sĩ chính thức năm 1984. Ông tới Mỹ năm 1989 và từ năm 1990 làm giáo sư tại Rutgers, nơi ông đã mở lại seminar của mình với quy mô nhỏ hơn thời kỳ ở Moscow trong vài năm.



Với những đóng góp to lớn của mình cho toán học, ông đã được nhận nhiều giải thưởng lớn: Giải thưởng nhà nước Liên xô 1953, giải thưởng Lenin 1956, giải thưởng Wolf 1978, giải thưởng Kyoto 1989, giải thưởng MacArthur 1994. Năm 2005 ông được nhận giải thưởng Steele dành cho đóng góp suốt đời của Hội Toán học Mỹ. Ông được nhận giải này vì “đã có những ảnh hưởng sâu sắc trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu thông qua các kết quả của ông cũng như thông qua sự cộng tác với các nhà toán học khác, kể cả các sinh viên”.

Gelfand luôn tìm cách dạy không chỉ các quy tắc của toán học mà còn dạy cả vẻ đẹp và sự chính xác của môn khoa học này.

Ông thường nói: “Toán học chỉ là một cách suy nghĩ trong cuộc sống hàng ngày. Đừng bao giờ nên tách toán học ra khỏi

cuộc sống. Bằng cách đó bạn có thể giảng một cách dễ dàng về phân số cho những kẻ say rượu bết nhè. Nếu bạn hỏi họ $2/3$ với $3/5$ số nào lớn hơn thì họ sẽ không trả lời được nhưng nếu hỏi họ 2 chai vodka cho 3 người và 3 chai vodka cho 5 người chẳng nào có lợi hơn thì họ sẽ trả lời đúng ngay”.

Lời xin lỗi muộn màng của chính phủ Anh đối với một Nhà Toán học

Phạm Trà Ân (Viện Toán học)

Tối ngày 10 tháng 9 năm 2009, trên trang Web của Thủ tướng nước Anh, thủ tướng Anh Gordon Brown, thay mặt chính phủ Anh, đã đưa ra lời xin lỗi đối với Nhà Toán học Alan Turing (1912-1954) : "Đất nước chúng ta (nước Anh) đã mắc nợ quá nhiều Nhà toán học lỗi lạc Alan Turing. Chúng ta đã đối xử vô nhân đạo với Alan Turing, và tôi tự hào (?) là mình đã có thể chính thức đưa ra lời xin lỗi Alan Turing."



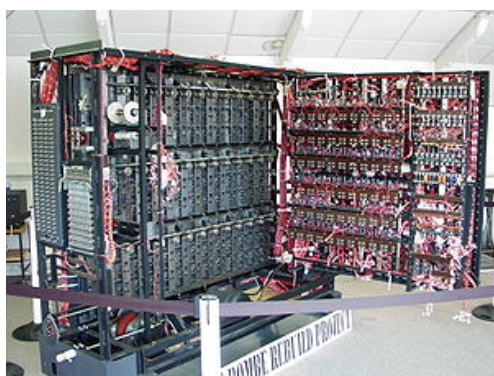
Alan Turing, Ông là ai ?

Alan Turing sinh ngày 23 tháng 6 năm 1912, tại London, nước Anh, trong một gia đình viên chức nhỏ. Ngay từ hồi còn

bé, Turing đã biểu lộ là một tài năng toán học, đặc biệt rất thích giải những câu đố khó. Từ năm 1931- 1935, Turing theo học tại Đại học Cambridge, ngành Toán và đã tốt nghiệp với bằng danh dự. Năm 1936, Ông vào nghiên cứu sinh tại Đại học Princeton, dưới sự hướng dẫn của GS Alonzo Church, và nhận bằng TS Toán học năm 1938. Khi Chiến tranh Thế giới II nổ ra, Ông được huy động vào làm việc tại Trung tâm Thăm mã của Quân đội Anh, đóng trụ sở tại Bletchley Park, trong Phòng thám các bức điện mật của Hải quân Đức. Bằng tài năng bẩm sinh đặc biệt của mình, tại đây Ông đã sáng chế ra nhiều kỹ xảo có thể dùng để bẻ khóa các hệ mật mã của hải quân Đức, trong đó nổi trội nhất là phương pháp nối các máy giải mã lại với nhau thành một bộ máy cơ - điện tử, có tên là máy "Turing Bombe", để tìm ra công thức lập mã, gài đặt trong máy Enigma, một máy lập mã của hải quân Đức.

Máy "Turing Bombe" dò tìm công thức gài đặt trên một khối quay trong máy Enigma theo nguyên tắc sau: Để thám được mã, máy cần có một bộ "hỗ trợ",

gồm một dòng chữ chưa mã hoá và một dòng đã mã mã tương ứng. Với mỗi công thức giả định cài đặt trên khối quay, máy Bombe thực hiện một chuỗi các suy luận logic và dựa vào bộ mã, dùng các kết cấu mạch điện tử đã được lắp đặt sẵn, máy Bombe lùng tìm và phát hiện ra các mâu thuẫn. Nếu có mâu thuẫn xảy ra, lập tức máy loại bỏ ngay công thức đã sinh ra mâu thuẫn này, rồi lại tiếp tục lắp lại quá trình trên với một công thức khác, được coi là hợp lý hơn. Đa số các công thức cài đặt có thể có, nói chung đều gây nên mâu thuẫn và bị loại bỏ, chỉ còn lại một số ít các công thức khả dĩ không dẫn đến mâu thuẫn, chúng sẽ được phát hiện và nghiên cứu chi tiết hơn. Trên cơ sở đó tìm được công thức cài đặt trong máy Enigma.



Máy Bombe

Máy Bombe đầu tiên của Turing được lắp ráp vào ngày 18 tháng 3 năm 1940. Có đến hơn 200 máy Bombe như vậy vẫn còn hoạt động khi chiến tranh kết thúc.

Sau chiến tranh, ông về công tác tại Phòng Thí nghiệm Vật lý Quốc gia, nhưng vẫn có chân trong bộ phận Bảo mật của chính phủ Anh. Tại Phòng Thí nghiệm Vật lý Quốc gia, ông đã nghiên cứu thành công và tạo ra một trong những đồ án đầu tiên của thế hệ máy tính có khả năng lưu trữ chương trình (theo kiến trúc Von Neumann). Nhưng đồ án này của ông đã

bị lãnh đạo cắt vào ngăn kéo, không bao giờ được triển khai. Điều đó đã gây cho ông những thất vọng và bức xúc.

Năm 1952 ông bị kết án với tội danh đã có những hành vi khiếm nhã nặng nề, sau khi ông tự thú đã có quan hệ đồng tính luyến ái với một người đàn ông ở Manchester. Vào thời điểm này, tại Anh luyến ái đồng giới vẫn còn bị coi là phạm pháp. Ông bị xử tù treo và sử phạt bằng biện pháp cưỡng bức tiêm hoóc môn (thực chất là một hình thức thiến hoạn bằng hoá chất).

Sau khi tiêm hoóc môn, ông có các thay đổi về tâm - sinh lý. Bắt đầu từ đó, ông bị khủng hoảng tinh thần và đã dẫn đến cái chết của vào năm 1954. Cuộc điều tra về cái chết của ông cho biết ông đã tự tử bằng cách ăn một quả táo có tẩm chất độc cyanua.

Alan Turing mất đi ở tuổi 41, cái "Tuổi vàng" của một nhà khoa học kỹ thuật. Ông đã chết trong một thảm kịch hoàn toàn do sự ấu trĩ của loài người gây ra.

Thật đáng tiếc lắm thay!

Những đóng góp của A. Turing cho Toán học.

Đóng góp chính của Alan Turing cho Toán học nằm ở 3 lĩnh vực Logic Toán, Lý thuyết Thuật toán và Khoa học - Máy tính.

Về Lý thuyết thuật toán, ông đã hình thức hóa khái niệm thuật toán và tính toán bằng một máy toán học, gọi là "Máy Turing", một công cụ đơn giản và chính xác do ông sáng tạo ra. Ông đã chứng minh được rằng chỉ với các máy Turing đơn giản như vậy thôi, chúng lại có khả năng tính toán bất cứ một vấn đề toán học nào, nếu vấn đề toán học này có

thể diễn tả được bằng một thuật toán. Trên cơ sở này, ông đã phát biểu "Luận đề Church- Turing", một luận đề cho rằng mọi mô hình tính toán trực giác đều có khả năng thấp hơn hay bằng khả năng của một máy Turing nào đó. Về ý nghĩa, luận đề Church-Turing cho phép ta đồng nhất khái niệm thuật toán trực giác với khái niệm thuật toán toán học (máy Turing). Từ luận đề này, việc chứng minh không có thuật toán để giải một bài toán nào đó, được quy về chứng minh không có máy Turing giải bài toán này.

Về Logic toán, trong bài viết nổi tiếng của ông với nhan đề "Các số tính được và ứng dụng vào vấn đề lựa chọn" (On Computable Numbers, with an Application to the Entscheidungsproblem), ông đã tái dựng lại các kết quả của Kurt Gödel (1931) về những hạn chế trong chứng minh và tính toán, bằng cách dùng công cụ máy Turing thay cho công cụ số học chính qui của Gödel, một công cụ toán học rất phức tạp và trừu tượng.

Về Khoa học Máy tính, ông đã đưa ra khái niệm "Turing Test", nhằm trả lời câu hỏi: *Máy móc có thể có ý thức và suy nghĩ được không?* Đây là một cố gắng định nghĩa tiêu chuẩn cho một cái máy được gọi là "có tri giác". Ngày nay, các "Turing Test" được sử dụng trong ngành "Trí tuệ Nhân tạo" của Công nghệ Thông tin.

Vì sao nước Anh lại mắc nợ đối với Alan Turing?

Như đã trình bày ở phần trên, chính A. Turing là người đã có công sáng chế ra máy Turing Bombe, nhờ đó quân đồng minh đã giành được thể chủ động, tạo ra một bước ngoặt trong chiến tranh, và góp phần cực kỳ quan trọng, giúp nước Anh và Đồng minh chiến thắng trong Thế chiến thứ II.

Một số sử gia quân sự đã cho rằng nhờ giải được mật mã Enigma mà Chiến tranh thế giới II đã kết thúc sớm được hai năm. Để minh chứng cho lập luận này, các sử gia đã dẫn chứng lời Thủ tướng Anh Winston Churchill: "Nếu không có thành tựu phá được mã Enigma thì có lẽ Thống chế Rommel, Tư lệnh quân đội Đức đóng ở Bắc Phi, đã chiếm được Cairo (thủ đô Ai cập) ngay từ năm 1942 và biến Địa Trung Hải thành một cái ao nhà của nước Đức, từ đó chặn đường tiếp tế trên biển của đồng minh. Mặt khác các tàu ngầm Đức sẽ cắt đứt tuyến hàng viện trợ từ Mỹ sang Anh và cuộc phản công ngày 6/6/1944 (cuộc đổ bộ lên Normandy) sẽ phải hoãn lại tới năm 1946, và ngày chiến thắng của Thế chiến II chưa biết phải lùi đến năm nào. Thế nhưng may mắn làm sao, tất cả những chuyện ấy đã không xảy ra vì các nhà khoa học của chúng ta đã phá được mật mã Enigma, nhờ đó chúng ta đã giành được thể chủ động và đã đánh bại lũ phát xít điên cuồng đã gây ra chiến tranh."

Trong tuyên bố đăng trên Website số 10, Thủ tướng Anh J. Brown cũng đã viết: "Nếu không có cống hiến xuất sắc của A. Turing, lịch sử Thế chiến thứ II có thể đã rất khác".

Quả vậy, lấy nước Anh làm thí dụ. Nếu chiến tranh kéo dài thêm 2 năm nữa, thì rất có thể nước Anh đã không đứng vững được trước sự tấn công ồ ạt của không quân và hải quân Đức; mặt khác, thời gian 2 năm là đủ để cho nước Đức phát xít có được bom nguyên tử, khi đó ai mà biết được điều gì sẽ xảy ra...?

Chính vì các lẽ đó mà Bà Kelsey Griffin, Giám đốc Viện Bảo tàng Công viên Bletchley, đã đánh giá A. Turing là một trong những người Anh vĩ đại, ngang tầm với Winston Churchill.

Năm 1999, trước thềm của một Thiên niên kỷ mới, Tạp chí Time, một tạp chí hàng đầu của Mỹ, khi bầu chọn 100 danh nhân có ảnh hưởng nhất đối với Thế kỷ XX, thì A. Turing đã có tên trong danh sách này.

Trong vòng tay của các bạn bè và đồng nghiệp.

Tất cả các tư liệu về máy Turing Bombe và về người đã sáng chế ra nó, đã được Cơ quan tình báo Anh giữ kín trong suốt thời gian chiến tranh đã đành, nhưng ngay cả khi chiến tranh đã kết thúc, theo lệnh của Churchill, toàn bộ các thiết bị từng được chế tạo tại Bletchley đều được tháo dỡ hoặc phá huỷ, tất cả những người đã từng làm việc tại Trung tâm này (khoảng 12.000 người, trong đó có 3/4 là nữ), đều phải tuyên thệ giữ bí mật về công việc của họ trong chiến tranh. Cho mãi tới năm 1989, tức là gần nửa thế kỷ sau, chính phủ Anh mới cho phép giải tỏa các Hồ sơ mật về chiến tranh Thế giới II, chúng ta mới được biết về chiến công của A. Turing, và cả về tấn thảm kịch đã xảy ra đối với A. Turing.

Ngay sau khi các thông tin về A. Turing được tiết lộ, lập tức các bạn bè và đồng nghiệp của Ông tại khắp nước Anh đã có các hoạt động nhằm đòi Chính phủ Anh phải chính thức đưa ra lời xin lỗi và khôi phục lại danh dự, cũng như công nhận các công lao đóng góp trong chiến tranh của Alan Turing.

Sau đây là một số các hoạt động như vậy:

- Ngày 23 tháng 6 năm 2001, nhân kỷ niệm ngày sinh của Turing, một bức tượng của Ông đã được đặt tại công viên Sackville Park, thành phố Manchester.



- Kỷ niệm ngày mất của Ông, ngày 6 tháng 7 năm 2004, một bia kỷ niệm đã được dựng lên tại nơi ở trước đây của Ông, Hollymeade, Wilslow.



- Mùa Hè năm 2004, Viện Khoa học Alan Turing (Alan Turing Institute) được sáng lập bởi UMIST và ĐH Manchester, đã đi vào hoạt động.
- Ngày 5 tháng 6 năm 2004, Hội Logic Anh và Hội Nghiên cứu Lịch sử Toán học của Anh đồng tổ chức Lễ kỷ niệm về "Cuộc đời và sự nghiệp của Alan Turing" tại ĐH Manchester.
- Ngày 26 tháng 10 năm 2004, một tượng đồng của A. Turing được khánh thành tại ĐH Surrey. Tượng diễn tả Turing đang cầm sách đi trong Học viện này.
- Có hẳn một Phong trào ký tên vào "Bản kiến nghị" do nhà khoa học máy tính nổi tiếng Graham-Cumming đề xướng, đòi Chính phủ Anh phải xin lỗi và khôi phục thanh danh cho A. Turing. Đến

nay đã có 30.805 người ký vào Bản Kiến nghị này, trong đó có nhiều nhà hoạt động xã hội có uy tín, nhiều nhà khoa học lớn, và nhiều nhà toán học nổi tiếng.

- Hãng Holtsoft đã sản xuất ngôn ngữ lập trình mang tên Turing, một ngôn ngữ dành cho người mới bắt đầu lập trình và không có tương tác với phần cứng.
- Hiệp hội Máy tính (Association for Computing Machinery) đã lập Giải thưởng Turing. Giải được trao hàng năm cho cá nhân có đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực Khoa học - Máy tính. Đây là giải thưởng lớn nhất và có uy tín nhất trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin, và thường được xem như một Giải Nobel trong lĩnh vực Khoa học Máy tính.

Lời bạt

Trong ký ức của các nhà toán học ở khắp mọi nơi trên toàn thế giới, Alan Turing là một Nhà toán học lớn và là cha đẻ của ngành Khoa học - Máy tính. Giờ đây, qua lời xin lỗi của ông Thủ tướng nước Anh, chúng tôi được biết thêm về chiến công của ông trong Thế chiến thứ II và ông xứng đáng là một người Anh hùng!

Chúng tôi đã ngưỡng mộ ông, ảnh của cụ được treo trong phòng họp lớn của Viện Toán học, bên cạnh các nhà toán học nổi tiếng khác, bây giờ chúng tôi càng ngưỡng mộ ông hơn, ông Alan Turing ạ!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Wikipedia (The encyclopedia), Alan Turing.
- 1.A short biography of Turing. <http://www.turing.org.uk/bio/part1.html>
- 1. Trang Web của Phủ thủ tướng Anh. <http://www.number10.gov.uk>

Giáo sư Phạm Tĩnh Quát

Một trong những nhà Toán học Việt Nam hiện đại đầu tiên

Đào Phương Bắc⁴ (ĐHKHTN-ĐHQGHN)

Bài viết này giới thiệu vài nét về Giáo sư Phạm Tĩnh Quát, một trong những người Việt Nam đầu tiên có bài nghiên cứu in trên các tạp chí toán học quốc tế. Ông là thân sinh của GS. Frédéric Phạm, người có nhiều đóng góp quý báu cho nền toán học Việt Nam.

Theo hiểu biết của người viết bài này thì những công trình đầu tiên của nền toán học Việt Nam thuộc về hai giáo sư gạo cội Lê Văn Thiêm và Phạm Tĩnh Quát.

Sắp xếp theo thời gian, đó là các bài sau đây:

1. Le-Van, Thiem: Beitrag zum Type-nproblem der Riemannschen Flächen. (German) Comment. Math. Helv. 20 (1947), 270-287
2. Pham, Tinh-Quat: Les fonctions entières périodiques. (French) Ann. Sci. École Norm. Sup. (3) 65 (1948), 11-70
3. Thiem, Le Van: Le degré de ramification d'une surface de Riemann et la croissance de la caractéristique de la fonction

⁴email: bacdp@vnu.edu.vn

uniformisante. (French) C. R. Acad. Sci. Paris 228 (1949), 1192-1195

4. Thiem, Le Van: Un problème de type généralisé. (French) C. R. Acad. Sci. Paris 228 (1949), 1270-1272

5. Thiem, Le-Van: Über das Umkehrproblem der Wertverteilungslehre. (German) Comment. Math. Helv. 23 (1949), 26-49

6. Thiem, Le Van: Sur un problème d'inversion dans la théorie des fonctions méromorphes. (French) Ann. Sci. École Norm. Sup. (3) 67 (1950), 51-98

7. Pham, Tinh-Quat: Quelques propriétés des fonctions méromorphes périodiques. (French) Ann. Sci. École Norm. Sup. (3) 67 (1950), 307-320



GS. Phạm Tinh Quát (1914-2008)
(ảnh chụp 1941)

GS. Phạm Tinh Quát sinh ngày 13/12/1914 (tuổi Giáp Dần) tại làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội, trong một gia đình có ông và cha đều làm quan. Thuở nhỏ, ông học ở trường “Ecole Primaire Franco-Indigène” (tạm dịch là trường tiểu học Pháp bản xứ) ở Nam Định, và sau đó, ông học tiếp ở trường cao đẳng tiểu học (Ecole Primaire Supérieure, viết tắt là E.PS). Ông mồ côi

cha năm 13 tuổi. Năm 14 tuổi, ông bị trường E.PS đuổi vì đã cãi lại một thầy giáo người Pháp. Sau đó, ông thi vào trường trung học bảo hộ của Pháp ở Hà Nội (Lycée Français de Hanoi) mang tên Albert Saraut, và tốt nghiệp tú tài ở đó.

Năm 1930, ông được mẹ gửi sang Pháp học, cùng với người anh ruột là Phạm Văn Lãm. Lúc này, ông học dự bị đại học ở trường Janson de Sailly (Paris), để chuẩn bị thi vào Ecole Normale Supérieure (E.N.S) lừng danh. Năm 1934, ông đỗ vào trường E.N.S và trở thành người Việt Nam đầu tiên theo học ngành khoa học ở trường này. Năm 1937, ông tốt nghiệp thạc sĩ ở E.N.S, và cùng năm đó, ông kết hôn với một phụ nữ Pháp.

Sau đó hai vợ chồng ông trở về Việt Nam và cùng dạy học ở Sài Gòn. Lúc này, ông dạy toán ở trường Trung học Petrus Ký (dành cho học sinh nam) và vợ ông dạy văn ở trường Marie-Curie (dành cho học sinh nữ). Trường Trung học Petrus Ký ngày nay được biết đến với cái tên “trường Trung học Phổ Thông chuyên Lê Hồng Phong”, còn trường Marie-Curie vẫn giữ nguyên tên cũ. Năm 1938, vợ chồng ông sinh con trai đầu lòng (tuổi Mậu Dần), người sau này trở thành GS. Frédéric Phạm mà mọi người làm toán Việt Nam đều biết. Năm 1940, vì sức khỏe của vợ không được tốt, ông đưa vợ và con trai lớn trở lại Pháp. Gia đình ông về đến Pháp tháng 5 năm 1940, một tháng trước khi nước Pháp bị Phát xít Đức chiếm đóng. Thời gian này, ông được bổ nhiệm vào nhiều vị trí giảng dạy khác nhau. Ban đầu là trường Lorient, một thời gian ngắn sau đó là trường Nevers và cuối cùng, từ tháng 10 năm 1942, là trường Besançon. Ông là giáo viên ở đó cho đến năm 1954.

Theo những câu chuyện của GS. Frédéric Phạm thì trong thời gian ở Lorient và Nevers, GS. Phạm Tĩnh Quát luôn chiếm được cảm tình và sự kính trọng sâu sắc của những học sinh ở đó, nhờ khả năng chuyên môn và trình độ sư phạm của mình. Trong khoảng thời gian từ 1942 đến 1954 ở Besançon, ông dạy lớp Toán đặc biệt (Mathématiques Spéciales) của trường Victor Hugo. Đây là một trong những nơi dành cho học sinh giỏi chuẩn bị thi vào hệ thống những trường danh tiếng (Grandes Ecoles) như E.N.S., Ecole Polytechnique, v.v. . .

Cũng trong thời gian này, ông tiếp tục theo học Tiến sỹ Toán ở E.N.S và lấy bằng Tiến sỹ ở đó năm 1948. Thầy hướng dẫn của ông là GS. Georges Valiron, một chuyên gia nổi tiếng về Lý thuyết hàm. GS. Georges Valiron cũng chính là thầy hướng dẫn của GS. Laurent Schwartz (giải thưởng Fields năm 1950) và của GS. Lê Văn Thiêm.

Trong thời gian làm luận án Tiến sỹ, ông quan tâm đến những tính chất tăng trưởng (growth) gần vô cùng của những hàm nguyên, tức là những hàm chỉnh hình trên toàn mặt phẳng phức. Kết quả của luận án Tiến sỹ của ông được in trong bài báo số 2 dẫn ở trên (Ann. Sci. École Norm. Sup. 1948 “Les fonctions entières périodiques”). Sau đó, ông mở rộng những nghiên cứu của mình cho các hàm phân hình (một biến) và công bố các kết quả này ở bài báo số 7 (Ann. Sci. École Norm. Sup. 1950 “Quelques propriétés des fonctions méromorphes périodiques”).

Như mọi người đều biết, Ann. Sci. École Norm. Sup. là tạp chí toán của trường Ecole Normale Supérieure, Paris. Tạp chí này nằm trong số những ấn phẩm toán học có lịch sử lâu đời nhất thế giới

(xuất bản từ năm 1864). Cho đến hiện nay, tạp chí vẫn luôn là một trong số những tạp chí toán học uy tín nhất. Vì vậy, việc một trong những bài báo đầu tiên của nền toán học Việt Nam, do GS. Phạm Tĩnh Quát thực hiện, là một công trình dài 60 trang được in ở tạp chí này quả là một vinh dự lớn, một sự khởi đầu đẹp đẽ.

Trong các năm 1954-1956, GS. Phạm Tĩnh Quát giảng dạy ở Đại học Sài Gòn. Từ 1956, Giáo Sư chuyển về Đại học Caen (Pháp). Ông làm việc ở đó cho đến khi về hưu vào năm 1982.

Trong thời gian làm việc ở Đại học Caen, GS. Phạm Tĩnh Quát là người đã có công phát triển toán ứng dụng và tin học. Tại thời điểm đó, tin học chưa phát triển ở Pháp. GS. Eugene Dubois, Hiệu trưởng Đại học Caen đồng thời là một nhà toán học, ghi nhận ba đóng góp chính sau đây của GS. Phạm Tĩnh Quát.

Thứ nhất, ông đã lãnh đạo nhóm Toán ứng dụng ở Caen, lập ra phòng nghiên cứu của mình với định hướng phát triển toán học tính toán và toán ứng dụng. Nhờ ảnh hưởng của ông, phòng thí nghiệm đã thu hút được nhiều nghiên cứu viên giỏi đến từ nhiều nơi trong nước Pháp.

Thứ hai, ông đã nhận ra vai trò quan trọng của toán ứng dụng, có thể nói ông đã khai sinh ra ngành tin học ở Caen. GS. Phạm Tĩnh Quát đã làm việc rất nhiều với các cấp quản lý của trường để lắp đặt chiếc máy tính đầu tiên (IBM 650) cho Đại học Caen. Đó là bước khởi đầu cho việc thành lập Trung tâm thông tin tư liệu của đại học này.

Thứ ba, ông có những đóng góp bản lề trong việc nối kết đào tạo của Đại học Caen với hoạt động của các doanh

nghiệp. Đây là việc làm không phổ biến vào thời kỳ đó.

Trong thời gian làm việc ở Đại học Caen, ông đã viết cuốn sách nhan đề “Techniques du calcul matriciel” nói về một số kỹ thuật sử dụng máy tính để tính toán đối với ma trận.

Trong những năm cuối đời, GS. Phạm Tĩnh Quát đã về Việt Nam 3 lần để thăm lại gia đình lớn. Giáo sư qua đời tại nhà riêng ở Hermanville-sur-Mer, Calvados vào ngày 23/12/2008.

Có một chi tiết, tưởng như nhỏ mà không hề nhỏ, đó là về chính tả trong cách viết tên GS. Phạm Tĩnh Quát. Do khả năng hạn chế của các nhà inphương Tây trong việc viết tên người Việt, đã song song tồn tại mấy cách hiểu khác nhau sau đây về tên của giáo sư: Phạm Tĩnh Quát, Phạm Tĩnh Quát, Phạm Tĩnh Quát. Chúng tôi cho rằng cần khẳng định một lần thật rõ ràng về chuyện này trong thời điểm mà chúng ta may mắn có nguồn cứ liệu chắc chắn là GS. Frédéric Phạm. Chúng tôi được GS. Nguyễn Hữu Việt Hưng cho biết nội dung câu chuyện giữa ông và GS. Frédéric Phạm bên lề Hội nghị Đại số - Hình học - Tô pô, Đà Lạt 12/2003. GS Hưng thắc mắc với GS. Frédéric Phạm: “Anh đã nhiều lần khẳng định tên ông cụ là Phạm Tĩnh Quát. Nhưng trong phát biểu sáng nay, anh Hà Huy Khoái lại bảo là Phạm Tĩnh Quát.” GS. Frédéric Phạm nói: “Tên bố tôi là Phạm Tĩnh Quát, chữ Tĩnh với dấu hỏi.” Ngừng một lát, rồi xen

chút bông đùa ông nói tiếp: “Anh Khoái là một người miền Trung, không phân biệt được thật tốt dấu hỏi với dấu ngã.”

Người viết bài này đã tra Từ điển Hán-Việt của Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha (1902-1954), thấy có nhiều chữ Tĩnh với nghĩa hoặc là giếng nước, hoặc là tên một vì sao trong Nhị Thập Bát tú, hoặc là tỉnh ngộ; cũng có nhiều chữ Quát, mà một trong những chữ này có nghĩa là bao quát, tìm tòi. Phải chăng Phạm Tĩnh Quát hàm nghĩa “bao quát thức tỉnh”?

Ghi nhận vài nét về cuộc đời của GS. Phạm Tĩnh Quát, một trong những nhà toán học Việt Nam hiện đại đầu tiên, là một cách để tác giả tự tìm về nguồn cội của nền toán học nước nhà. Đó cũng là một nén hương tưởng nhớ GS. Phạm Tĩnh Quát nhân giỗ đầu của cụ 23/12/2009. Tác giả chân thành cảm ơn GS. Nguyễn Hữu Việt Hưng, người đã khích lệ tác giả viết bài này, đã gửi cho tác giả bản scan của một số bài báo từ thập niên 1940 được dẫn ở trên, và góp ý rất nhiều cho bản thảo bài viết. Tác giả gửi lời cảm ơn sâu sắc đến GS. Frédéric Phạm về những thông tin quý báu, về việc giáo sư đã đọc kỹ bài này và đồng ý với những chi tiết được đưa ra trong bài. Tác giả xin cảm ơn GS. Nguyễn Duy Tiến đã lưu ý một số điểm chưa chính xác về năm tháng trong bản thảo ban đầu. Cuối cùng, tác giả cảm ơn ThS. Lê Quý Thường về một số văn bản dịch từ tiếng Pháp.

Hà Nội, Thu 2009

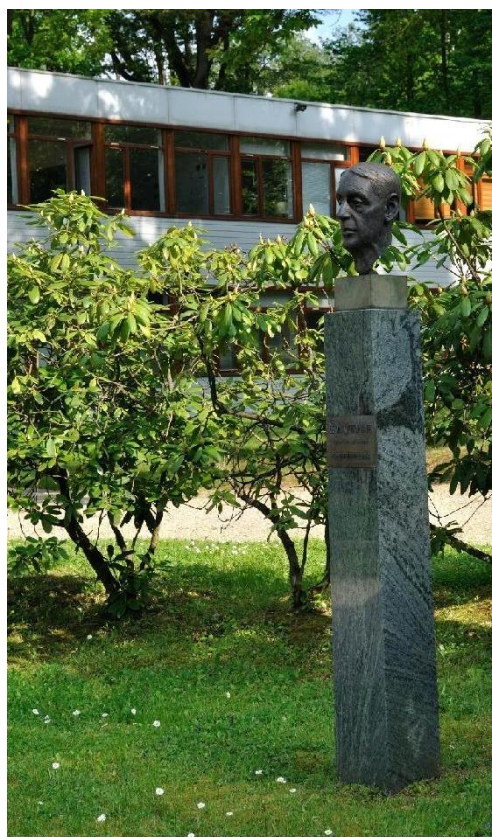
Viện Nghiên cứu khoa học cao cấp IHES⁵

Nguyễn Việt Dũng (Viện Toán học)

Là một hiện tượng khá hiếm hoi ở Pháp, Viện nghiên cứu cao cấp IHES là một viện tư nhân, có định hướng nghiên cứu toán học và vật lý lý thuyết ở trình độ cao. Viện được thành lập năm 1958 bởi một doanh nhân mà sau này trở thành nhà toán học, ông Léon Motchan. Mục tiêu lúc bấy giờ là lập ra một Viện nghiên cứu của Pháp, tương đương với Viện nghiên cứu cao cấp Princeton của Mỹ, nơi làm việc của những nhà khoa học vĩ đại nhất như Albert Einstein. Motchan đã thành công trong việc nhận được sự ủng hộ của Robert Oppenheimer, cha đẻ của bom nguyên tử Mỹ nhưng sau đó đã chống lại bom khinh khí, Viện Trưởng Viện Princeton từ 1947–1966.

Viện IHES tập hợp được các nhà nghiên cứu xuất sắc nhất thế giới, và hiện nay chỉ có 5 giáo sư trong biên chế cố định (permanent): hai nhà vật lý Thibault Damour và Nikita Nekrasov và ba nhà toán học Maxim Kontsevich, Laurent Lafforgue và Mikhail Gromov. Ràng buộc duy nhất đối với các giáo sư này là họ phải có mặt làm việc tại IHES ít nhất 6 tháng mỗi năm. Ngân sách hàng năm của viện IHES vào khoảng 6 triệu Euros, trong đó non một nửa (2,8 triệu) là từ Bộ nghiên cứu khoa học Pháp. Các nước khác, chủ yếu là các nước châu Âu đóng góp khoảng 20% ngân sách. Có thể kể ra đây sự đóng góp của Thủ tướng Bỉ, Viện hàn lâm khoa học Hà Lan, Bộ Nghiên cứu khoa học Anh.

Các nước như Đức, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản cũng có đóng góp tài chính cho IHES.



Các công ty lớn như Suez, Schlumberger, EDF, France Télécom và CEA (Commissariat à l'énergie atomique) đóng góp khoảng 5% ngân sách hàng năm. Phần ngân sách còn lại là do các nguồn riêng của IHES. Một số cá nhân cũng có những tài trợ cho IHES, thường là 50, 100 hoặc 200 euros. Nhà thiết kế Philippe Starck, một fan hâm mộ nhà vật

⁵Theo một số báo nước ngoài

lý Thibault Damour, đã tặng toàn bộ trụ sở hội đồng đồng quản trị. Một nhà toán học trước đây nay là quản lý của một quỹ đầu tư đóng góp cho IHES 9 triệu euros.

Tất cả có khoảng bốn mươi người ăn lương của viện IHES. Trước hết là các giáo sư. Lương của họ là 78.000 euros mỗi năm (sau khi đã trừ thuế), tức là tương đương với lương của một giáo sư ở trường đại học danh giá của Pháp là Collège de France. Tuy mức lương này đã khá là cao, nhưng thực tế các giáo sư này còn có thể kiếm được gấp đôi, tức là khoảng 150.000 euros mỗi năm nếu trong sáu tháng còn lại họ đi dạy tại một đại học lớn ở Mỹ. Ngoài năm giáo sư này còn có những giáo sư mời, chẳng hạn như Alain Connes, giải thưởng Fields năm 1982.

Lương của ông là do trường Collège de France chi trả. Tại Collège de France, ông giữ chức chủ nhiệm Ban giải tích và hình học. Các thực tập sinh sau tiến sỹ (post-doctorant) tại IHES cũng được Viện cấp chỗ ở.

Mô hình độc đáo này của viện IHES đã trở thành ý tưởng cho nhiều ngành khác, đặc biệt là các ngành xã hội và nhân văn. Đó là trường hợp của Viện nghiên cứu cao cấp tại Nantes, thành lập bởi Alain Supiaut, một chuyên gia về luật lao động. Viện này mới được khánh thành tháng Hai năm ngoái. Mục đích của nó là thiết lập nên một cộng đồng các nhà khoa học. Một dự án khác cũng đang được nghiên cứu là dự án của nhà xã hội học kiêm phó thị trưởng Paris, ông Jean-Louis Missika.



Một vài thông tin về các giáo sư chính thức tại viện IHES.

Trong số 5 giáo sư chính thức đã có 3 người gốc Nga: Mikail Gromov, Maxim Kontsevich và Nikita Nekrasov. Cả 5 giáo sư này đều đã giành được những giải thưởng cao quý nhất trong lĩnh vực của mình.

Mikhail Gromov:

- Giải thưởng Abel 2009
- Giải thưởng Wolf, 1993
- Giải thưởng Balzan, 1999
- Giải thưởng Kyoto, 2002
- Giải thưởng Nemmers 2004
- Giải thưởng Bolyai 2005

- Giải thưởng Steel của Hội Toán học Mỹ, 1997

Thibault Damour:

- Giải thưởng Mergier-Bourdeix của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp
- Huân chương Einstein 1996
- Huân chương Cecil F. Powell 2005

Nikita Nekrasov:

- Giải thưởng Hermann Weyl 2004
- Giải thưởng Jacques Hebrand 2004

Maxim Kontsevich:

- Giải thưởng châu Âu của thành phố Paris 1992
- Giải thưởng Henri Poincaré 1997
- Huân chương Fields 1998

- Giải thưởng Crafoord 2008

Laurent Lafforgue:

- Giải thưởng Jacques Herbrand 2001
- Giải thưởng Fields 2002
- Giải thưởng nghiên cứu của Viện Clay.

Trung tâm hội nghị mang tên Marilyn & James Simons của Viện IHES là nơi diễn ra các hội nghị quốc tế, các bài giảng, các báo cáo colloquium quan trọng. Tại tiền sảnh của Trung tâm này treo ảnh của một số nhà toán học, nhà vật lý đã có những đóng góp quan trọng trong khoa học trong thời gian làm việc tại IHES. Bên cạnh những tên tuổi lừng danh như A. Grothendieck, M. Atiyah, A. Connes,... còn có ảnh của một nhà toán học trẻ Việt Nam, GS. Ngô Bảo Châu.

HỘI NGHỊ ĐẠI SỐ - HÌNH HỌC – TÔPÔ

Huế, 24 – 26/09/2009

Trần Đạo Dũng - Đoàn Thế Hiếu - Lê Văn Thuyết (Đại học Huế)

Từ ngày 24 đến ngày 26/9/2009, Đại học Huế phối hợp với Viện Toán học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt nam đã tổ chức Hội nghị Đại số - Hình học - Tôpô tại Hội trường (số 3, Lê Lợi) của Đại học Huế. Đây là một Hội nghị được tổ chức hai năm một lần và là một dịp để các nhà toán học trong nước đến để thông báo, trao đổi một số kết quả mới về Đại số, Hình học và Tôpô. Có hơn 150 đại biểu đã tham dự Hội nghị trong đó có 2 đại biểu người nước ngoài. Hội nghị đã nhận được sự tài trợ từ nhiều trường đại học cùng các cơ quan, đoàn thể và cá nhân. Hội nghị đã nghe các báo cáo mời sau:

- Hà Huy Khoái, Viện Toán học: “Nội suy p-adic và L-hàm p-adic”
- Lê Dũng Tráng: “Topology of low dimensional singularities”
- Lê Thanh Nhân: “On a property of local cohomology modules and applications”
- Nguyễn Quốc Thắng, Viện Toán học: “Some aspects of arithmetic of algebraic groups and related questions over local and global fields”.
- Đoàn Thế Hiếu, Trường ĐHSP-ĐH Huế: “Some topics in the geometry with density”.
- Nguyễn Chu Gia Vượng, Viện Toán học: “Một số tính toán vết của biểu diễn nhóm tuyến tính tổng quát p-adic”.

và hơn 30 báo cáo ngắn khác. Ngoài ra, Hội nghị cũng nhận được nhiều tóm tắt báo cáo khác và đã được in trong quyển Chương trình và tóm tắt các báo cáo, có thể xem ở

sites.google.com/site/hoitoanhochue/

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Thái nguyên đã nhận đăng cai Hội nghị Đại số - Hình học - Tô pô năm 2011. Hẹn gặp lại tại thành phố Thái Nguyên xinh đẹp.



Tin tức hội viên và hoạt động toán học

LTS: Để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trong cộng đồng các nhà toán học Việt Nam, Tòa soạn mong nhận được nhiều thông tin từ các hội viên HTHVN về chính bản thân mình, cơ quan mình hoặc đồng nghiệp của mình.

Giải thưởng.

GS. Ngô Việt Trung, Viện trưởng Viện Toán học là một trong ba nhà khoa học nhận giải thưởng “Nhân tài đất Việt về Khoa học cơ bản”, mỗi giải trị giá 100 triệu đồng. Giải thưởng là một phần của hệ thống giải thưởng “Nhân tài đất Việt” được tạo lập ban đầu chỉ dành cho ngành Công nghệ Thông tin. Giải thưởng về Khoa học cơ bản bắt đầu được trao trong năm nay 2009. Lễ trao giải thưởng đã diễn ra vào ngày thứ Sáu, 27/11/2009 tại cung Văn hóa Hữu nghị Hà Nội.

Giải thưởng Viện Toán học 2009 được trao cho PGS-TS **Tạ Thị Hoài An**, phòng Lý thuyết số, Viện Toán học.



PGS-TS Tạ Thị Hoài An tốt nghiệp Đại học Vinh, bảo vệ luận án Tiến sĩ tại Viện Toán học dưới sự hướng dẫn của GS. TSKH Hà Huy Khoái. PSG-TS Tạ Thị Hoài An đã công bố hơn 15 công trình, trong đó có nhiều công trình được đăng trên các tạp chí có uy tín cao như Transactions of the AMS, Proceedings of the AMS, Journal of Number theory...

Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước vừa ra quyết công nhận các ứng viên sau đây đạt tiêu chuẩn GS/PGS năm 2009:

Chức danh Giáo sư:

Nguyễn Bường, Viện CNTT-Viện KH& CN VN

Đinh Nho Hào, Viện Toán học

Vũ Hà Văn⁶, DHTH Rutgers

Chức danh Phó giáo sư:

Phan Thành An, Viện Toán học

Tạ Thị Hoài An, Viện Toán học

Phạm Hiến Bằng, ĐH Thái Nguyên

Nguyễn Hữu Điển, ĐHKHTN – ĐHQG Hà Nội

Đinh Thanh Đức, ĐH Quy Nhơn

Nguyễn Thị Bạch Kim, ĐHBK Hà Nội

Nguyễn Bá Minh, ĐH Thương mại

Đàm Văn Nhí, ĐHSP Hà Nội

Phan Nhật Tính, ĐHKH – ĐH Huế

Trách nhiệm mới:

GS.TSKH. **Phạm Thế Long**, Giám đốc Học viện KTQS được Thủ tướng chính phủ thăng cấp quân hàm từ Thiếu tướng lên Trung tướng vào tháng 8/2009.

PGS.TS **Nông Quốc Chinh** được bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường ĐHKH Thái Nguyên từ 03/2009. Ông sinh năm 1956 tại Sơn La, bảo vệ luận án tiến sĩ chuyên ngành Hình học – Tô pô năm 1993 tại ĐH

Tổng hợp Masaryk Brno – CH Séc, được phong Phó giáo sư năm 2006.

PGS.TS **Lê Thị Thanh Nhân** được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường ĐHKH Thái Nguyên từ 03/2009. Bà sinh năm 1970 tại Thái Nguyên, bảo vệ luận án tiến sĩ chuyên ngành Đại số và Lý thuyết số 04/2001 tại Viện Toán học Hà Nội, được phong Phó giáo sư năm 2005.

Th.S **Nguyễn Đức Lạng** được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng Trường ĐHKH Thái Nguyên từ 03/2009. Ông sinh năm 1959 tại Lạng Sơn.

TS. **Đinh Thanh Đức** vừa được bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn.

PGS.TS. **Nguyễn Thiện Luận** vừa được bổ nhiệm Viện trưởng Viện Công nghệ Mô phỏng - HV KTQS.

TS **Nguyễn Thị Thu Thủy** được bổ nhiệm Trưởng Khoa Toán-Tin, Trường ĐHKH Thái Nguyên từ 04/2009. Bà sinh năm 1969 tại Thái Nguyên, bảo vệ luận án tiến sĩ chuyên ngành Toán học Tính toán vào 07/2008 tại Viện CNTT – Viện KH& CNVN.

TS. **Trần Đình Lương** vừa được bổ nhiệm Trưởng Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Đại học Quy Nhơn.

TS. **Mai Quý Năm** vừa được bổ nhiệm Trưởng Phòng Sau Đại học, Đại học Quy Nhơn.

PGS. TS **Nguyễn Văn Kính** vừa được bổ nhiệm Trưởng Phòng Đào tạo, Đại học Quy Nhơn.

TS. **Nguyễn Thái Hòa** vừa được bổ nhiệm Trưởng Khoa Toán Đại học Quy Nhơn.

Bảo vệ NCS:

⁶Được phong GS theo tiêu chuẩn Đặc cách

NCS **Nguyễn Văn Hoàng**, giảng viên Toán trường ĐHSP Thái Nguyên, đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành Đại số và Lý thuyết số vào tháng 5 năm 2009 tại Viện Toán học – Viện KH&CNVN dưới sự hướng dẫn của GS.TSKH Nguyễn Tự Cường và PGS.TS Lê Thị Thanh Nhân.

NCS **Trần Nam Trung**, Viện Toán học, đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ chuyên ngành Đại số & Lý thuyết số vào tháng 5/2009 tại Viện Toán học dưới sự hướng dẫn của GS. TSKH Lê Tuấn Hoa.

NCS **Hà Trần Phương**, phó trưởng Khoa Toán-Tin trường ĐHSP Thái Nguyên, đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành Giải tích vào tháng 6/2009 tại Viện Toán học – Viện KH&CNVN dưới sự hướng dẫn của GS. TSKH Hà Huy Khoái và PGS.TS Tạ Thị Hoài An.

Tin buồn

Khoa Toán-Cơ-Tin học, trường ĐHKHTN, và gia đình vô cùng thương tiếc báo tin:

Nhà giáo ưu tú GS.TS. **Hoàng Hữu Như**, nguyên Chủ nhiệm Khoa Toán-Cơ, Đại học Tổng hợp Hà Nội, đã từ trần hồi 3h45 ngày 4/12/2009, hưởng thọ 78 tuổi.

Giáo sư Hoàng Hữu Như sinh ngày 6/8/1932 tại Đức Thọ, Hà Tĩnh. Học đại học tại ĐHTH Hà Nội từ 1956-1959 và ĐHTH Lomonoxov Matxcova từ 1959-1962. Từ 1962 là cán bộ Khoa Toán-Cơ ĐHTH Hà Nội. Bảo vệ Tiến sĩ năm 1967 về chuyên ngành Xác suất và Thống kê tại ĐHTH Matxcova. Năm 1970-1980 là Phó chủ nhiệm Khoa Toán-Cơ và năm 1981-1991 giữ chức Chủ nhiệm Khoa. Ông được phong Phó Giáo sư năm 1980 và Giáo sư năm 1991. Nghỉ hưu từ năm 1997.

Tin Toán học Thế giới

Rudolf Kalman, GS tại ĐH Florida, nhận **Huy chương Quốc gia về Khoa học** năm 2008 của Mỹ. Đây là phần thưởng danh giá nhất của nước Mỹ tặng cho các nhà khoa học có những cống hiến to lớn cho khoa học và đích thân Tổng thống Mỹ trao tặng trong một buổi lễ trọng thể được tổ chức tại Nhà Trắng.



Kalman chính là người đã sáng tạo ra “lọc Kalman”, một kỹ thuật toán học dùng để lọc ra các tiếng ồn từ một nguồn dữ liệu. Ngay từ khi ra đời, vào năm 1966, “lọc Kalman” đã làm một cuộc cách mạng trong Lý thuyết điều khiển và đã được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng công nghệ khác nhau, chẳng hạn trong thám hiểm không gian, trong đánh giá quỹ đạo của tên lửa, trong thám hiểm địa vật lý, trong thủy lực, và cả trong kinh tế.

K. Bringmann, ĐH Cologne (Đức) và ĐH Minnesota (Mỹ), nhận **Giải thưởng SASTRA Ramanujan - 2009** vì các công trình xuất sắc của trong lĩnh vực các Hàm giả theta (mock theta functions), một lĩnh vực toán học rất gần với các công

trình của nhà toán học thiên tài người Ấn Độ Ramanujan. Giải trị giá 10.000 USD và sẽ được trao cho Bà tại buổi khai mạc Hội nghị Quốc tế về Lý thuyết số vào ngày 22 tháng 12 năm 2009 được tổ chức tại ĐH SASTRA, tỉnh Kumbakonam, là quê hương của Ramanujan. Giải Ramanujan được thành lập năm 2005, dành tặng cho các nhà toán học chưa quá 32 tuổi, (tuổi của Ramanujan khi mất) có các công trình xuất sắc trong các lĩnh vực toán học chịu ảnh hưởng của Ramanujan.

Cũng trong năm 2009, Bringmann vừa được nhận 1 triệu Euro từ Giải thưởng Krupp, dành cho các GS toán học trẻ tuổi (xin xem thêm Tin THTG trong TTTH2009-3). Năm 2009 thật là một năm may mắn đối với Bringmann !

Các giải thưởng quan trọng trong năm 2009 của Hội Toán học ứng dụng và Công nghiệp (SIAM) đã được trao tại Denver Hoa Kỳ, trong đó có:

Giải thưởng bài giảng John von Neumann được trao cho Franco Brezzi, giáo sư toán học ĐH Istituto Universitario di Studi Superiori in Pavia, Italy. Theo đánh giá của uỷ ban xét giải: *Những công trình nghiên cứu của ông có ảnh hưởng sâu sắc đến khoa học tính toán và kỹ thuật. Các công trình này của ông đã làm sáng tỏ bản chất về tính ổn định trong các phương pháp số, đồng thời phát triển các công cụ để thiết lập phương pháp phần tử hữu hạn ổn định.*



Giải thưởng James H. Wilkinson trong giải tích số và tính toán khoa học được trao cho giáo sư Assyrl Abdulle (Đại học Bách khoa Thụy Sĩ, EPFL), do những đóng góp nổi bật trong giải tích số và phương trình vi phân ngẫu nhiên (stochastic differential equations).



Kết quả Bầu cử năm 2009 của Hội Toán học Mỹ (AMS).

Chủ tịch: Eric M. Friedlander (ĐH Southern California), với thời hạn 5 năm, bao gồm các cương vị:

- Chủ tịch bầu (một năm),
- Chủ tịch chính thức (2 năm),
- Chủ tịch nhiệm kỳ trước (1 năm).

Phó chủ tịch: Sylvain Capell (Viện Toán Courant), thời hạn 3 năm.

Chánh Văn phòng: Mark Green (ĐH California, Los Angeles), thời hạn 5 năm.

Tại ICM-1998, Berlin, Đức, lần đầu tiên Ban Tổ chức đã quay Video Lễ Khai mạc, toàn bộ các Báo cáo mời toàn thể, cùng một vài sự kiện quan trọng khác diễn ra trong ICM-1998. Các videos này được lưu trữ tại Văn phòng của LĐTHTG. Về mặt thông tin, các video này có giá trị không nhiều, nhưng chúng lại có giá trị lịch sử cao, chẳng hạn người ta có thể xem lại toàn bộ Bài giảng về Bài toán Fermat do chính A. Wiles trình bày.

Tại ICM-2002 (Bắc kinh), và tại ICM-2006 (Madrid), Ban Tổ chức cũng đã cho quay hầu hết các sự kiện quan trọng và

toàn bộ Lễ khai mạc, toàn bộ các báo cáo mời toàn thể. Tuy nhiên các video này còn nhiều hạn chế do tính chất nhà nghề chưa cao và do kinh phí còn hạn hẹp.

Cả 3 Video trên, hiện do LĐTHTG quản lý và để tại trang Web của mình

www.mathunion.org

Mọi người có thể truy nhập và tải về miễn phí. LĐTHTG chỉ yêu cầu khi sử dụng các tư liệu này cần ghi rõ tư liệu được lấy từ nguồn tư liệu của LĐTHTG.

Tiếp tục truyền thống của 3 ICM trước đây, LĐTHTG cũng đã đề nghị Ban Tổ chức Hội nghị ICM-2010 cho quay Video toàn bộ các hoạt động chính tại ICM-2010, Lễ khai mạc, toàn bộ các báo cáo mời toàn thể.

Trang Web mới của Tiểu ban Quốc tế Giảng dạy Toán học (ICMI). Tiểu ban Quốc tế Giảng dạy Toán học (ICMI), vừa mở trang Web mới, tại địa chỉ sau:

<http://www.mathunion.org/icmi/>

Trang Web này là một Thư viện số, trong đó có các tư liệu khác nhau có liên quan đến mọi hoạt động của ICMI, các số ICMI STUDY và các ICMI PROCEEDINGS. Truy nhập và tải xuống từ thư viện này là miễn phí.

Tin Liên đoàn Toán học châu Phi.

Đại hội Liên đoàn Toán học châu Phi đã diễn ra tại Yamoussoukro (Bờ Biển Ngà), ngày 02/8/2009, đã bầu ra Ban Chấp hành Liên đoàn Toán học châu Phi gồm:

Chủ tịch: Saliou Tour (Bờ Biển Ngà)

Tổng thư ký: Oluwale Daniel Makinde (Nam Phi)

Thủ Quỹ: Moussa Ouattara (Burkina Faso)

Các Phó Chủ tịch:

Chikh Bouzar (Algeria) phụ trách vùng Bắc Phi

Sam Ale (Nigeria) phụ trách vùng Tây Phi

Juma Shabani (Burundi) phụ trách vùng Trung Phi

Verdiana Masanja (Tanzania) phụ trách vùng Đông Phi

Edward Lungu (Botswana) phụ trách vùng Nam Phi

Hội nghị Quốc tế các Nhà toán học nữ (ICWM - 2010).

ICWM- 2010 (Hội nghị Quốc tế các Nhà toán học nữ) sẽ diễn ra trong hai ngày 17- 18 tháng 8 năm 2010 tại trường Đại học Hyderabad, Hyderabad, Ấn Độ, hai ngày trước ngày khai mạc Đại hội Toán học Thế giới ICM - 2010 Thông tin chi tiết có ở trang Web:

<http://www.icm2010.org.in/icwm2010.php>

Tham dự hội nghị, chủ yếu là các Nhà toán học nữ sẽ tham dự ICM-2010 (các nhà Toán học nam nếu có nguyện vọng tham dự, xin hoan nghênh và mời tham dự), và đặc biệt khuyến khích các nhà toán học nữ trẻ và các nhà toán học nữ từ châu Á và từ các nước đang phát triển.

Sẽ có 9 bài giảng 45 phút của các nhà nữ toán học sau đây:

Julie Deserti (Paris, Pháp)

Frances Kirwan (Oxford, Anh)

Maryam Mirzakhani (Stanford, Mỹ)

Neela Nataraj (IIT Bombay, Ấn Độ)

Raman Parimala (Atlanta, Hoa Kỳ)

Mythily Ramaswamy (TIFR Bangalore, Ấn Độ)

Maria Saprykina (KTH Stockholm, Thụy Điển)

Nathalie Wahl (Copenhagen, Đan Mạch)

Di Yana (CAS Bắc Kinh, Trung Quốc)

Ngoài các bài giảng tên, Hội nghị còn có một Diễn đàn thảo luận và một tiệc chiêu đãi vào tối ngày 17/8. Đăng ký bắt đầu ngày 01/1/2010.

Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với Trưởng ban tổ chức GS Shobha Madan, tại địa chỉ sau: madan@iitk.ac.in

Dự án Klein của Ủy ban giáo dục quốc tế (ICMI)

Năm 2008 Liên đoàn toán học thế giới và ủy ban giảng dạy toán học thế giới đã quyết định thành lập một dự án để xem lại ý định của Felix Klein khi ông viết cuốn sách “Toán học cơ sở từ quan điểm Toán cao cấp” (Elementary Mathematics from an Advance Standpoint). Dự án này nhằm xuất bản một cuốn sách cho các giáo viên phổ thông nhằm phổ biến về việc nghiên cứu và tầm quan trọng của Toán học cho các giáo viên dạy toán cấp phổ thông. Đội thực hiện dự án gặp gỡ thường xuyên và xác nhận sẽ xuất bản một đầu sách khoảng 300 trang nhằm khuyến khích các giáo viên giới thiệu tới các học sinh, sinh viên một bức tranh đầy đủ về sự phát triển và mối quan hệ đa ngành của Toán học.

Liên quan đến dự án này, một hội nghị quốc tế “Các phương pháp giảng dạy toán học” (Didactics of Mathematics as a Mathematical Discipline) đã được tổ chức tại Bồ Đào Nha, từ ngày 1-4/10/ 2009. Hội nghị đã thảo luận những vấn đề sau:

- Các đặc điểm nào có thể tìm thấy trong toán học như là một môn học bậc phổ thông cho thế kỷ 21.

- Các mối quan hệ nào của toán học như là một môn học cấp phổ thông và toán học như là một khoa học cần được phát triển.

- Các thách thức nào là ở tầm quốc gia và tầm quốc tế?

- Các chuyên ngành toán nào nên được thêm vào toán học phổ thông (ngoài Số học, đại số, giải tích và hình học)? Tại sao?...

Các thông tin liên quan đến dự án Klein có thể tìm thấy tại trang Web:

www.mathunion.org/glocos.org/index.php/dm-md/dm-md2009

*Mục Tin THTG số này do **Phạm Trà Ân** (Viện Toán học), **Trần Minh Tước** (ĐHSP2, Xuân Hòa), **Dương Mạnh Hồng** (Viện Toán học), **Trần Văn Thành** (Viện Toán học) và **Nguyễn Đức Thịnh** (Viện Toán học) thực hiện.*

Thông báo

Olympic Toán Sinh viên 2010

Huế, 07-12/4/2010

MỤC ĐÍCH: Góp phần nâng cao chất lượng dạy và học toán, thúc đẩy phong trào học tập của sinh viên, đồng thời góp phần phát hiện, bồi dưỡng các sinh viên giỏi toán các trường đại học và cao đẳng.

CƠ QUAN TỔ CHỨC:

- Hội Toán học Việt Nam
- Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế
- Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

ĐỊA ĐIỂM: Trường Đại học Khoa học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Thành phố Huế.

THỜI GIAN: 07-12/4/2010

THỂ LỆ:

1. Kỳ thi tổ chức thi 2 môn độc lập: Đại số và Giải tích. Giải thưởng trao cho từng môn.
2. Mỗi trường cử một đội tuyển dự thi 2 môn: Giải tích và Đại số. Mỗi sinh viên có thể dự thi 1 hoặc cả 2 môn. Mỗi đội tuyển có tối đa 5 sinh viên cho mỗi môn thi.
3. Mỗi trường được gửi 01 đề thi cho mỗi môn, kèm theo Đáp án, thang điểm chấm, tên người ra đề và gửi cho Trường ban Đề thi (GS-TSKH Nguyễn Văn Mậu, e-mail: nvanmau@gmail.com) trước ngày 10/3/2010.
4. Lệ phí đóng góp của mỗi đoàn: 3 000 000 (Ba triệu đồng).
5. Danh sách đội tuyển và người phụ trách phải gửi cho Trường Ban tổ chức trước ngày 10/3/2010, theo địa chỉ: GS Nguyễn Hữu Dư, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, email dunh@vnu.edu.vn
6. Các trường tự túc và tự thu xếp ăn ở, đi lại.

CHƯƠNG TRÌNH:

1. Ngày 07/4/2010: Hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy Toán ở các trường kỹ thuật.
2. Ngày 08-10/4/2010: Tổ chức thi, chấm thi
3. Chiều 11/4/2010: Lễ tổng kết và trao giải.
4. Ngày 12/4/2010: Hội thảo về công tác chuẩn bị Kỳ thi Olympic sinh viên năm 2011.

BAN CHỈ ĐẠO

- GS-TSKH Lê Tuấn Hoa, Chủ tịch Hội Toán học
- PGS-TS Lê Mạnh Thanh, Phó Giám đốc Đại học Huế.

BAN TỔ CHỨC:

- Các đồng trưởng ban: GS-TS Nguyễn Hữu Dư - Phó Chủ tịch kiêm TKT Hội THVN và PGS-TS Nguyễn Văn Tận, Hiệu trưởng ĐH Khoa học, Đại học Huế.
- Phó ban: PGS-TS Huỳnh Thế Phùng, Chủ nhiệm Khoa Toán, ĐH Khoa học, Đại học Huế.
- Các ủy viên: TS Lê Cường, Đại học Bách khoa Hà Nội; TS Trịnh Tuấn, Đại học Điện lực; GV Đào Phương Bắc, Đại học Khoa học Tự nhiên; PGS-TS Nguyễn Gia Định, ĐH Khoa học, Đại học Huế.

BAN ĐỀ THI :

- Trưởng ban: GS-TSKH Nguyễn Văn Mậu; Phó chủ tịch Hội THVN.
- Phó trưởng ban: PGS-TS Tống Đình Quỳ - Phó chủ tịch Hội THVN;
- Các ủy viên: GS-TSKH Lê Tuấn Hoa; GS-TS Nguyễn Hữu Dư và GS-TSKH Đỗ Đức Thái, Ủy viên BCH Hội THVN.

BAN GIÁM KHẢO:

- Trưởng ban: PGS-TS Tống Đình Quỳ.
- Phó ban: GS-TSKH Nguyễn Văn Mậu và GS-TS Nguyễn Hữu Dư.
- Ủy viên: Phụ trách các đội tuyển của các trường.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ: Khoa Toán, Trường Đại học Khoa học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Thành phố Huế; ĐT: 054 3822407. Hoặc liên hệ trực tiếp:

- GS-TS Nguyễn Hữu Dư: dunh@vnu.edu.vn
- PGS-TS Huỳnh Thế Phùng: huynhthephung@gmail.com; ĐT 0905025679.
- Website: <http://www.vms.org.vn>

Trường toán Cimpa-Unesco-Vietnam “Bất đẳng thức biến phân và các vấn đề có liên quan”

Hà Nội 10-21/05/2010

Cơ quan tài trợ: Centre International de Mathématiques Pures et Appliquées (CIMPA), Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Toán học, và các đơn vị khác.

Ban khoa học: H. Attouch (ĐHTH Montpellier 2, Pháp), P.-L. Combettes (ĐHTH Pierre và Marie Curie, Pháp), Phan Quốc Khánh (ĐQT Tp HCM, Việt Nam), J.-E. Martinez Legaz (Universitat Autònoma de Barcelona, Tây Ban Nha), Lê Dũng Mưu (Viện Toán học).

Ban tổ chức: D. Aussel (ĐHTH Perpignan, Pháp), Đinh Thế Lục (ĐHTH Avignon, Pháp, và Viện Toán học, Hà Nội), Nguyễn Đông Yên (Viện Toán học).

Ban tổ chức địa phương: Nguyễn Đông Yên (Trưởng ban), Bùi Trọng Kiên, Tạ Duy Phụng, Nguyễn Xuân Tấn.

Thời gian và địa điểm: 10-21/05/2010, Viện Toán học, 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, 10307 Hà Nội

Trang web của Viện Toán: <http://www.math.ac.vn/>

Trang web của CIMPA: <http://www.cimpa-icpam.org/spip.php?article211>

Chương trình khoa học: Trong 10 ngày, Trường toán này chủ yếu tập trung vào bảy khoá học. Nhưng cũng sẽ có hai buổi chiều dành cho các xê-mi-na, ở đó các đại biểu/học viên trình bày kết quả nghiên cứu mới của mình dưới dạng báo cáo khoa học hoặc các bảng biểu áp phích.

Danh sách các giảng viên và khoá học: 1. M. Lassonde (ĐHTH Antilles-Guyane, Pháp), *Introduction to variational inequalities and basic tools* (6 tiết); 2. D. Aussel, *Existence and unicity results for variational inequalities* (8 tiết); 3. Nguyễn Đông Yên, *Stability/sensitivity of parametrized variational inequalities* (8 tiết); 4. Đinh Thế Lục, *Variational relations in infinite dimension* (8 tiết); 5. J.-S. Pang (ĐHTH Illinois ở Urbana-Champaign, Mỹ), *Numerical analysis of variational inequalities* (8 tiết); 6. B. S. Mordukhovich, (ĐHTH Quốc gia Wayne, Detroit, Mỹ), *Variational systems* (8 tiết); M. Fukushima (ĐHTH Kyoto, Nhật), *Applications in Operations Research* (8 tiết).

Thời hạn đăng ký cuối cùng: Phiếu đăng ký tham dự với các thông tin: Họ tên, Chức danh, Cơ quan công tác, Địa chỉ, Số điện thoại, Fax, Email, Tên báo cáo (nếu có) xin gửi về Địa chỉ: Nguyễn Đông Yên, Viện Toán học, 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, 10307 Hà Nội; Email: ndyen_at_math.ac.vn trước ngày **31/01/2010**.

Lệ phí tham dự: 200.000VNĐ/1 đại biểu đang công tác tại Việt Nam Học bổng: Ban tổ chức sẽ xét trao một số học bổng nhỏ cho các cán bộ trẻ (sinh viên mới tốt nghiệp, học viên cao học, nghiên cứu sinh).

(Đại biểu muốn nhờ Ban tổ chức thuê chỗ ở cần liên hệ qua email ndyen_at_math.ac.vn. Sinh viên mới tốt nghiệp, học viên cao học, hoặc nghiên cứu sinh muốn được xét cấp học bổng cần gửi đơn cho Ban tổ chức, nêu rõ những thành tích học tập và nghiên cứu nổi bật đã đạt được.)

**Kính mời quý vị và các bạn đồng nghiệp
đăng kí tham gia Hội Toán học Việt Nam**

Hội Toán học Việt Nam được thành lập từ năm 1966. Mục đích của Hội là góp phần đẩy mạnh công tác giảng dạy, nghiên cứu phổ biến và ứng dụng toán học. Tất cả những ai có tham gia giảng dạy, nghiên cứu phổ biến và ứng dụng toán học đều có thể gia nhập Hội. Là hội viên, quý vị sẽ được phát miễn phí tạp chí Thông Tin Toán Học, được mua một số ấn phẩm toán với giá ưu đãi, được giảm hội nghị phí những hội nghị Hội tham gia tổ chức, được tham gia cũng như được thông báo đầy đủ về các hoạt động của Hội. Để gia nhập Hội lần đầu tiên hoặc để đăng kí lại hội viên (theo từng năm), quý vị chỉ việc điền và cắt gửi phiếu đăng kí dưới đây tới BCH Hội theo địa chỉ:

Chị Cao Ngọc Anh, Viện Toán Học, 18 Hoàng Quốc Việt, 10307 Hà Nội

Về việc đóng hội phí có thể chọn một trong các hình thức sau đây:

1. Đóng tập thể theo cơ quan (kèm theo danh sách hội viên).
2. Đóng trực tiếp hoặc gửi tiền qua bưu điện đến cô Cao Ngọc Anh theo địa chỉ trên.

(Theo quyết định của ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ 5 của Hội, bắt đầu từ năm 2005, hội phí mỗi hội viên tăng lên thành 50 000 đồng một năm)

BCH Hội Toán học Việt Nam



Hội Toán Học Việt Nam Phiếu đăng kí hội viên	Hội phí năm 2010
1. Họ và tên:	Hội phí : 50 000 Đ ☐
Khi đăng kí lại quý vị chỉ cần điền ở những mục có thay đổi trong khung màu đen này	<u>Acta Math. Vietnam. 70 000 Đ</u> ☐
2. Nam ☐ Nữ ☐	Tổng cộng:
3. Ngày sinh:	Hình thức đóng:
4. Nơi sinh (huyện, tỉnh):	☐ Đóng tập thể theo cơ quan (tên cơ quan):
5. Học vị (năm, nơi bảo vệ):	☐ Đóng trực tiếp/thư phát nhanh
Cử nhân:	☐ Gửi bưu điện (xin gửi kèm bản chụp thư chuyển tiền)
Ths:	
TS:	
TSKH:	
6. Học hàm (năm được phong):	
PGS:	
GS:	
7. Chuyên ngành:	
8. Nơi công tác:	
9. Chức vụ hiện nay:	
10. Địa chỉ liên hệ:	
E-mail:	<i>Ghi chú:</i> - Việc mua Acta Mathematica Vietnamica là tự nguyện và trên đây là giá ưu đãi (chỉ bằng 50% giá chính thức) cho hội viên (gồm 3 số, kể cả bưu phí).
ĐT:	- Gạch chéo ô tương ứng.
Ngày: Kí tên:	

THÔNG TIN TOÁN HỌC, Tập 13 số 3 (2009)

Mục lục

Hà Huy Khoái: Bỏ đề cơ bản-Một trong mười sự kiện nổi bật của khoa học thế giới 2010	2
Time viết về công trình của Ngô Bảo Châu	3
Nguyễn Việt Dũng: I.M. Gelfand 1913-2009	4
Phạm Trà Ân: Lời xin lỗi muộn màng của chính phủ Anh, đối với một Nhà Toán học	6
Đào Phương Bắc: Giáo sư Phạm Tĩnh Quát	11
Nguyễn Việt Dũng: Viện Nghiên cứu khoa học cao cấp IHES	15
Tin tức hội viên và hoạt động toán học	18
Tin toán học thế giới	20
Thông báo	
Kỳ thi Olympic Toán Sinh viên 2010	23
Trường toán CIMPA-UNESCO-VIETNAM	25